

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-PT

Ngày 22/01/2018

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết Thắng**

Các Thẩm phán: **Ông Nguyễn Vũ Đông**
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Thư ký phiên tòa: **Ông Lưu Việt Thắng**

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:
Ông Đỗ Đức Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2017/LHPT ngày 24/10/2017.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2017/LHPT ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 258/2017/QĐXX-PT ngày 18/12/2017, giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị T – sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Sơn Đông, xã Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho chị Hoàng Thị T: Luật sư Vũ Khắc Huy
- V phòng Luật sư Đại Hải T, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội

* **Bị đơn:** Anh Hoàng Thái S – sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Sơn Đông, xã Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho anh Hoàng Thái S: Luật sư Trần Thị Giáng Kiều – V phòng Luật sư số 18, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Hoàng Đức V – sinh năm 1956

2. Bà Nguyễn Thị Q – sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Thôn Sơn Đông, xã Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, Nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị và anh Hoàng Thái S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Minh ngày 19/11/2008. Sau khi kết hôn, anh chị về sống cùng gia đình nhà chồng đến năm 2011 thì anh chị ăn riêng, ở riêng. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, cách nuôi dạy con, ngoài ra anh S có tính đa nghi hay ghen tuông vô cớ. Vợ chồng dần mất niềm tin ở nhau và hết tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kể từ tháng 3/2016 do anh S thường xuyên đánh đập và đốt sách vở của chị, không tôn trọng gia đình chị. Anh chị

sống ly thân từ tháng 7/2016 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Hoàng Đức A, sinh ngày 05/5/2008; Hoàng Thanh T, sinh ngày 02/02/2014. Trong trường hợp ly hôn, chị xin được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Hiện chị đang là giáo viên, thu nhập khoảng 6.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, vay nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nhà ở: Chị đề nghị chia đôi ngôi nhà mà vợ chồng chị đang ở. Trong đó tầng 1 vợ chồng chị xây năm 2011, tầng 2 và tầng 3 vợ chồng chị xây năm 2015.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, Bị đơn là anh Hoàng Thái S trình bày:

Anh đồng ý với lời khai của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn. Theo anh, khoảng tháng 7/2016 thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn do chị T ngoại tình và bị gia đình phát hiện nên tự bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, anh gọi nhiều lần nhưng không quay về. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung như chị T khai. Khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm lái xe, thu nhập khoảng 7.500.000đ/tháng và có thu nhập từ cửa hàng sửa chữa đồ điện, xe máy 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, nhà ở, đất ở: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Đức V và bà Nguyễn Thị Q có lời khai:

Về nguồn gốc căn nhà mà chị T, anh S đang có tranh chấp là của ông bà. Vì khi chị T về làm dâu ông, bà là người nuôi ăn học không đóng góp gì được cho gia đình. Năm 2011, ông bà làm tầng 1. Năm 2015, ông bà làm tầng 2 và tầng 3. Nay chị T, anh S ly hôn, ông bà đề nghị đòi lại nhà.

Tại bản án số 31/2017/HNGĐ-ST ngày 23/6/2017, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Hà Nội đã xử và quyết định:

1. Cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Hoàng Thái S.

2. Về con chung: Xác nhận anh chị có 02 con chung là Hoàng Đức A, sinh ngày 5/5/2008; Hoàng Thanh T, sinh ngày 02/02/2014. Hiện 02 cháu đang ở với anh S, giao cháu Đức A cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Thanh T cho chị T nuôi dưỡng. Các bên tự đảm nhiệm việc nuôi con. Chị T, anh S được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, vay nợ, công sức đóng góp, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu giải quyết của chị T, anh S.

Xác nhận tổng giá trị nhà ở và công trình trên đất đang có tranh chấp là 621.992.905đ. Trong đó giá trị 207.686.246đ của tầng 1 và nhà bán mái thuộc sở hữu của ông V, bà Q; 414.306.659đ giá trị các công trình còn lại là tài sản chung của anh S, chị T và chia cho mỗi anh, chị 1/2 giá trị tài sản chung.

Giao cho ông V, bà Q, anh S sở hữu toàn bộ nhà ở và công trình trên đất. Buộc anh S thanh toán cho chị T 207.153.329đ giá trị phần tài sản chung chị được chia.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 05/7/2017, anh Hoàng Thái S có đơn kháng cáo với nội dung: Xem xét cho

anh S được nuôi dưỡng hai con, không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của bố mẹ anh S.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, Bị đơn rút đơn một phần kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới.

Anh Hoàng Thái S trình bày:

Đối với kháng cáo về việc nuôi con, anh xin rút, không yêu cầu Tòa giải quyết nữa.

Đối với kháng cáo về tài sản, bản án sơ thẩm quyết định vợ chồng có tài sản chung là tầng 2 và tầng 3 của ngôi nhà 3 tầng tại xóm Bãi Thuyền, thôn Sơn Đông, xã Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội là không đúng. Lý do là bởi năm 2015, khi xây nhà lên tiếp tầng 2 và 3, bố mẹ anh (ông V, bà Q) là người bỏ tiền ra để mua vật liệu và xây dựng. Trong khi trước đó, anh có công việc nhưng bấp bênh, chưa kiếm được nhiều tiền, còn chị T đến năm 2010 mới đi học trung cấp sư phạm, đến tháng 10/2011 mới xin được việc tại trường tiểu học Bắc Phú. Thu nhập của vợ chồng anh chị chưa ổn định, chỉ đủ trang trải sinh hoạt hàng ngày, không thể có tiền để xây nhà. Anh chỉ tham gia trông nom khi xây. Tiền nguyên vật liệu và xây dựng đều do bố mẹ anh bỏ ra, có lúc bố anh trực tiếp thanh toán, có lúc đưa cho anh. Bố chị T có cùng vài người thợ đến làm vài việc hoàn thiện nhà nhưng chỉ làm vài buổi không đáng kể.

Luật sư Trần Thị Giáng Kiều - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Hoàng Thái S trình bày:

Đối với yêu cầu kháng cáo về việc nuôi con, anh S đã xin rút kháng cáo nên đề nghị hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Đối với nội dung kháng cáo về phần tài sản, cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của anh S, chị T là tầng 2 và 3 của căn nhà 3 tầng là không có căn cứ, bởi:

Thứ nhất, kể từ khi kết hôn với anh S năm 2008, chị T còn chưa học hết phổ thông, sau đó mới đi học sư phạm và xin việc, thu nhập còn chưa đủ để chi trả cho việc học. Anh chị cũng sinh con vào năm 2008 và 2014. Khoản thu nhập của anh chị không thể tích lũy đủ để xây nhà.

Thứ hai, Nguyên đơn cố ý giả mạo chứng cứ. Tại biên bản ghi lời khai do Tòa án huyện Sóc Sơn lập ngày 19/4/2016, chị Nguyễn Thị Mai, chủ cửa hàng Hào Mai cho biết: hóa đơn của chị T nộp cho Tòa là do chị T mới xin của chị Mai và nhờ chị Mai ký hộ vào khoảng năm 2016. Chữ ký tại mục người bán hàng là chữ của chị Mai, còn chữ viết trong hóa đơn không phải do chị Mai viết, số tiền mua hàng không đúng thực tế. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng do Tòa án huyện Sóc Sơn lập ngày 26/4/2017, anh Đàm Khắc Phong là người bán vật liệu xây dựng xác nhận khi thanh toán tiền thì cả anh S, ông V và chị T trả, mỗi người một ít.

Các căn cứ trên cho thấy việc xây tầng 2 và 3 là do ông V, bà Q bỏ tiền ra hoàn toàn. Đề nghị Hội đồng xét xử xác định tầng 2 và 3 không phải tài sản chung của anh S, chị T.

Chị Hoàng Thị T trình bày:

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho chị vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị nhất trí đề nghị Tòa án xét xử mà không có mặt Luật sư.

Thời gian đầu khi lấy nhau, vợ chồng chị ở cùng với bố mẹ chồng, sau đó thì ra ở riêng. Nguồn tiền xây tầng 2 và 3 của căn nhà là từ việc vay thế chấp tại tổ chức tín dụng bằng bảng lương của chị (80.000.000đ); vay Hội phụ nữ xã Tân Minh (20.000.000đ); sổ tiết kiệm của chị (40.000.000đ); tiền vay của gia đình và người thân.

Các khoản vay này chị đã và đang trả. Toàn bộ nguồn tiền và thời gian xây nhà được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh S, vợ chồng con cái ăn ở riêng tại căn nhà này, bố mẹ chồng không bỏ tiền ra xây dựng và không sống cùng vợ chồng anh chị.

Chị khẳng định là bố chị và một số thợ là họ hàng bên nhà chị có tham gia xây dựng, tiền công do chị thanh toán, đồng thời chị còn thanh toán một số hóa đơn mua nguyên vật liệu. Tòa án sơ thẩm đã xét xử đúng, chị đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Ông Hoàng Đức V trình bày:

Việc xây dựng toàn bộ nhà cửa là do vợ chồng ông bỏ tiền ra, vì ở thời điểm xây tầng 2 và 3, anh S và chị T đều có thu nhập thấp, thất thường, kinh tế không ổn định. Việc chị T có cung cấp cho Tòa án hóa đơn mua nguyên vật liệu là không chính xác vì với số nguyên vật liệu đó có thể xây dựng được nhà sáu tầng. Khi xây dựng lên tầng 2 và 3 thì do sử dụng nhiều nguyên vật liệu có sẵn nên ông chỉ mua một ít sắt và xi măng. Tổng số tiền cụ thể ông không xác định được, nhưng số tiền mặt ông bỏ ra là khoảng 200 triệu. Có một số hóa đơn mua nguyên vật liệu do ông trực tiếp thanh toán, một số khác thì ông đưa tiền cho anh S thanh toán nhưng chị T không biết. Việc gọi đội thợ của bố chị T là do anh S gọi, nhưng những người này chỉ làm những việc hoàn thiện vài buổi không đáng kể. Nếu các con không ly hôn thì ông cũng sẽ cho các con, nhưng nay do anh S chị T ly hôn nên ông phải làm rõ và yêu cầu trả lại tài sản cho vợ chồng ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự và hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn kháng cáo nên chấp nhận.

Về nội dung: Xét việc rút đơn kháng cáo về phần nuôi con của anh S là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo này của anh S.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh S về việc cho rằng căn nhà xây dựng trên thửa đất của bố mẹ anh là tài sản của ông V và bà Q thì thấy rằng: Năm 2008, anh S và chị T kết hôn, sau đó sinh cháu Đức A, khi đó chị T vẫn tiếp tục đi học và sống chung với ông V, bà Q. Do đó cấp sơ thẩm xác định các công trình xây dựng năm 2011 không phải là tài sản chung của anh chị là có căn cứ. Đối với phần công trình xây thêm năm 2015, khi đó anh chị đã ăn riêng, có công việc ổn định và bản thân chị T phải vay vốn ngân hàng để sửa chữa nhà, ông V, bà Q không còn chung sống cùng anh S, chị T. Cấp sơ thẩm xác định tiền xây dựng thêm không phải của ông V, bà Q và xác định là tài sản chung của anh S, chị T là có căn cứ chấp nhận. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm thì ông V và bà Q không kháng cáo, thể hiện việc ông bà không phản đối quyết định của án sơ thẩm. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh S, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn kháng cáo nên chấp nhận.

Về nội dung:

Xét việc rút đơn kháng cáo về phần nuôi con của anh Hoàng Thái S là hoàn toàn tự nguyện nên có căn cứ để đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo này của anh S.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh S cho rằng căn nhà xây dựng trên thửa đất của bố mẹ anh (ông V và bà Q) là tài sản của ông V và bà Q thì thấy rằng: Năm 2008, anh S và chị T kết hôn, sau đó sinh cháu Đức A. Khi đó chị T vẫn tiếp tục đi học và sống chung với ông V, bà Q. Cấp sơ thẩm xác định các công trình xây dựng năm 2011 không phải là tài sản chung của anh chị là có căn cứ.

Đối với phần công trình xây thêm năm 2015, khi đó anh chị đã ăn ở riêng, có công việc ổn định, ông V và bà Q không còn chung sống cùng anh S, chị T. Bản thân chị T cũng có vay tiền tại Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng vào năm 2015 với nội dung vay là “sửa nhà”, chị T đã tất toán hợp đồng này vào năm 2016. Anh S và ông V cho rằng chị T sử dụng số tiền vay này vào mục đích khác, nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào để bảo vệ quan điểm này của mình. Việc cấp sơ thẩm xác định tiền xây dựng thêm không phải của ông V, bà Q và xác định là tài sản chung của anh S, chị T là có căn cứ chấp nhận. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm thì ông V, bà Q không kháng cáo, thể hiện rằng ông bà không phản đối quyết định của án sơ thẩm. Do không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh S nên giữ nguyên án sơ thẩm. Tuy nhiên, vì nhà này còn thuộc sở hữu của anh S, ông V và bà Q nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án chỉ buộc anh S thực hiện nghĩa vụ thanh toán là chưa chính xác, cần chỉnh lại cách tuyên án cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Anh Hoàng Thái S phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận việc rút kháng cáo của anh Hoàng Thái S về việc xin nuôi con. Đình chỉ xét xử phúc thẩm về việc việc xin nuôi con của anh Hoàng Thái S.

2. Không chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Thái S về việc chia tài sản chung vợ chồng. Giữ nguyên bản án số 31/2017/HNGĐ-ST ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Hà Nội và xử:

Chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Hoàng Thái S.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Hoàng Đức A, sinh ngày 5/5/2008; Hoàng Thanh T, sinh ngày 02/02/2014. Giao cháu Đức A cho anh S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Giao cháu T cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Các bên tự đảm nhiệm việc nuôi con. Chị T, anh S được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, vay nợ, công sức đóng góp, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu giải quyết của chị T, anh S.

Xác nhận tổng giá trị nhà ở và công trình trên đất đang có tranh chấp là 621.992.905đ (sáu trăm hai mươi một triệu chín trăm chín mươi hai nghìn chín trăm lẻ năm đồng). Trong đó:

- Giá trị 207.686.246đ (hai trăm lẻ bảy triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng) của tầng 1 và nhà bán mái thuộc sở hữu của ông V và bà Q;

- Giá trị 414.306.659đ (*bốn trăm mười bốn triệu ba trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng*) của các công trình còn lại là tài sản chung của anh S, chị T và chia cho mỗi anh, chị 1/2 giá trị tài sản chung. Như vậy, mỗi người được hưởng 207.153.329đ (*hai trăm lẻ bảy triệu một trăm năm mươi ba nghìn ba trăm hai mươi chín đồng*).

Giao cho ông V, bà Q, anh S sở hữu toàn bộ nhà ở và công trình trên đất. Buộc ông V, bà Q và anh S liên đới thanh toán cho chị T 207.153.329đ (*hai trăm lẻ bảy triệu một trăm năm mươi ba nghìn ba trăm hai mươi chín đồng*) giá trị phần tài sản chung chị được chia.

3. Về án phí:

Chị T phải nộp 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, 10.357.666đ án phí chia tài sản, 10.384.313đ án phí với phần yêu cầu của chị tại cấp sơ thẩm không được chấp nhận. Tổng chị T phải nộp 20.941.979đ án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền 7.700.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 4860 ngày 14/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn. Chị T còn phải nộp 13.241.979đ (*mười ba triệu hai trăm bốn mươi một nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng*).

Anh S phải chịu 10.357.666đ án phí chia tài sản; 300.000đ án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 440 ngày 13/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Anh S còn phải nộp 10.357.666đ (*mười triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Hà Nội;
- TAND huyện Sóc Sơn, HN;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn, HN;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quyết Thắng